

CƠ SỞ TÍNH HỆ SỐ PHÂN BỐ CHO XÃ, PHƯỜNG THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Kèm theo dự thảo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên xã/phường	Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo	Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã khu vực I Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã, phường còn lại	Điểm theo đơn vị hành chính cấp xã
1	Phường Vĩnh Trạch	Phường khu vực III				2,5
2	Xã Hưng Hội	Xã khu vực III				2,5
3	Xã Ninh Thạnh Lợi	Xã khu vực III				2,5
4	Xã Thanh Tùng	Xã khu vực III				2,5
5	Phường Hiệp Thành	Phường biên giới biển; đồng thời khu vực III				2,5
6	Xã Cái Đôi Vàm	Xã biên giới biển				2,5
7	Xã Gành Hào	Xã biên giới biển				2,5
8	Xã Khánh Hưng	Xã biên giới biển				2,5
9	Xã Khánh Lâm	Xã biên giới biển; đồng thời khu vực III				2,5
10	Xã Long Điền	Xã biên giới biển				2,5
11	Xã Phan Ngọc Hiển	Xã biên giới biển				2,5
12	Xã Phú Tân	Xã biên giới biển				2,5
13	Xã Sông Đốc	Xã biên giới biển				2,5
14	Xã Tam Giang	Xã biên giới biển				2,5
15	Xã Tân Thuận	Xã biên giới biển				2,5
16	Xã Tân Tiến	Xã biên giới biển				2,5
17	Xã Tân Ân	Xã biên giới biển				2,5
18	Xã U Minh	Xã biên giới biển				2,5
19	Xã Vĩnh Hậu	Xã biên giới biển; đồng thời khu vực III				2,5
20	Xã Đá Bạc	Xã biên giới biển				2,5
21	Xã Đông Hải	Xã biên giới biển				2,5
22	Xã Đất Mũi	Xã biên giới biển				2,5
23	Xã Đất Mũi	Xã biên giới biển				2,5
24	Phường Giá Rai		Phường khu vực II			2,0
25	Xã Hòa Bình		Xã khu vực II			2,0
26	Xã Hồng Dân		Xã khu vực II			2,0
27	Phường An Xuyên			Phường khu vực I		1,5
28	Phường Bạc Liêu			Phường khu vực I		1,5
29	Xã Vĩnh Phước				Xã còn lại	1,0
30	Phường Hòa Thành				Phường còn lại	1,0
31	Phường Láng Tròn				Phường còn lại	1,0
32	Phường Lý Văn Lâm				Phường còn lại	1,0
33	Phường Tân Thành				Phường còn lại	1,0
34	Xã An Trạch				Xã còn lại	1,0
35	Xã Biên Bạch				Xã còn lại	1,0
36	Xã Châu Thới				Xã còn lại	1,0
37	Xã Cái Nước				Xã còn lại	1,0
38	Xã Hưng Mỹ				Xã còn lại	1,0
39	Xã Hồ Thị Kỳ				Xã còn lại	1,0
40	Xã Khánh An				Xã còn lại	1,0
41	Xã Khánh Bình				Xã còn lại	1,0

42	Xã Lương Thế Trân				Xã còn lại	1,0
43	Xã Nguyễn Phích				Xã còn lại	1,0
44	Xã Nguyễn Việt Khái				Xã còn lại	1,0
45	Xã Ninh Quới				Xã còn lại	1,0
46	Xã Năm Căn				Xã còn lại	1,0
47	Xã Phong Hiệp				Xã còn lại	1,0
48	Xã Phong Thạnh				Xã còn lại	1,0
49	Xã Phú Mỹ				Xã còn lại	1,0
50	Xã Phước Long				Xã còn lại	1,0
51	Xã Quách Phẩm				Xã còn lại	1,0
52	Xã Thới Bình				Xã còn lại	1,0
53	Xã Trí Phái				Xã còn lại	1,0
54	Xã Trần Phán				Xã còn lại	1,0
55	Xã Trần Văn Thời				Xã còn lại	1,0
56	Xã Tân Hưng				Xã còn lại	1,0
57	Xã Tân Lộc				Xã còn lại	1,0
58	Xã Tạ An Khương				Xã còn lại	1,0
59	Xã Vĩnh Lộc				Xã còn lại	1,0
60	Xã Vĩnh Lợi				Xã còn lại	1,0
61	Xã Vĩnh Mỹ				Xã còn lại	1,0
62	Xã Vĩnh Thanh				Xã còn lại	1,0
63	Xã Đầm Dơi				Xã còn lại	1,0
64	Xã Định Thành				Xã còn lại	1,0
Tổng cộng		23	3	2	36	102,5

Ghi chú
- Điều 4 khoản 1 điểm a Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg: xã khu vực III, xã biên giới, xã đảo, đặc khu = 2,5 điểm; xã khu vực II = 2,0 điểm; xã khu vực I = 1,5 điểm; xã, phường còn lại = 1,0 điểm.

- Số lượng xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia